TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 423/2024/HS-ST Ngày 14-8-2024	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa – Cán bộ hưu trí;

2. Ông Huỳnh Thế Cần – Nguyên bí thư đoàn phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 372/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 391/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2024 đối với:

- Các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1991 tại Nghệ An; Hộ khẩu thường trú: Xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nơi ở: Khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị N; bị cáo đã từng kết hôn với chị Thái Thị L nhưng hiện đã ly hôn; chưa có con.

Tiền án: Ngày 30/11/2021, bị Toà án nhân dân TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (Tại Bản án số 496/2021/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/06/2022. Ngày 23/11/2022, bị Toà án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (Tại Bản án số 147/2022/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/06/2023.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/02/2024, sau đó chuyển lệnh tạm giam theo lệnh tạm giam số 513 ngày 08/3/2024, của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Phú B1, sinh năm: 1990 tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nơi ở: Khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phú M và bà Hồ Thị Minh H; bị cáo đã từng kết hôn với chị Bùi Thị Mỹ L1, hiện đã ly hôn, có 01 con sinh năm 2006;

Tiền án: Ngày 28/06/2021, bị Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự (Tại Bản án số 126/2021/HS-ST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/04/2022.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 23/7/2013, bị cáo bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh theo Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 23/7/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Bị cáo bị tạm từ giữ ngày 28/02/2024, sau đó chuyển lệnh tạm giam theo lệnh tạm giam số 512 ngày 08/3/2024, của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn C, sinh năm: 1996 tại Thanh Hóa; cư trú: Khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C1 và bà Vũ Thị L2; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm từ giữ ngày 28/02/2024, sau đó chuyển lệnh tạm giam theo lệnh tạm giam số 514 ngày 08/3/2024, của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Thị P, sinh năm: 1986 tại Thanh Hóa; cư trú: E152, tổ A, Khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; hộ khẩu thường trú: 66/3, đường B, khu phố I, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N1 (đã chết) và bà Lê Thị N2; bị cáo có chồng là Lê Duy Đ1 và 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án: không; tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Cháu Nguyễn Thị Hồng N3, sinh năm 2007; cư trú tại: E, tổ A, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu N3:* Ông Nguyễn Duy T, sinh năm: 1976 và bà Nguyễn Thị

H1, sinh năm 1983; cùng cư trú: E355A, tổ A, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Khoảng 14 giờ ngày 25/02/2024, Lê Phú B1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Atila, gắn biển số 55Y2-2963 chở Nguyễn Thanh B đến khu nhà trọ tại địa chỉ: E, tổ A, khu phố E, phường L, thành phố B để tìm tài sản trộm cắp. Thanh Bình nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 37B2-223.19 của chị Nguyễn Thị Hồng N3 (Sinh năm 2007) dựng ở trước cửa phòng trọ số 1 của khu nhà trọ và nói Phú B1 đứng ngoài đường (cách vị trí dựng xe mô tô biển số 37B2-223.19 khoảng 20m) để cảnh giới, còn Thanh B đi vào bên trong dắt trộm xe ra ngoài. Do không có chìa khoá để nổ máy xe nên Phú B1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Atila dùng chân đẩy xe Sirius, biển số 37B2-223.19 do T điều khiển đến khu phố F, phường L, TP B thì ghé vào tiệm sửa khoá Thuận T1 thuê anh Đặng S (Sinh năm 1995) cắt chìa khoá xe với giá 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng). Sau đó Thanh B nổ máy điều khiển xe chạy về phòng trọ tại địa chỉ E, tổ A, khu phố E, phường L, TP B cất giấu. Tại đây Thanh B dùng cờ lê khoá số 10 tháo biển số xe 37B2-223.19 thay bằng biển số 54V7-9781 và cùng Phú B1 mang xe đến tiệm mua bán phế liệu tại địa chỉ E, tổ A, khu phố E, phường L, TP B do Lê Thị P làm chủ để cầm cố nhưng P không đồng ý cầm xe (vì xe không có giấy đăng ký và nghi ngờ là xe do trộm cắp mà có).

Khoảng 19 giờ ngày 25/02/2024, Thanh B và Phú B1 nói cho Trần Văn C biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius gắn biển số 54V7-9781 là xe do trộm cắp mà có và nhờ C mang xe đi cầm cố. Do C có mối quan hệ quen biết với Lê Thị P nên C đồng ý và cùng Thanh B, Phú B1 tiếp tục mang xe mô tô trên đến nhà Lê Thị P để cầm cố, P biết rõ xe mô tô trên là do trộm cắp mà có nhưng do C là người quen biết nên P đồng ý cầm với giá 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Số tiền này C lấy 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), Thanh Bình 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), P 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và cả C, P, T đều đã tiêu xài hết số tiền trên.

Tại Cơ quan điều tra, các bị can Nguyễn Thanh B, Lê Phú B1, Trần Văn C và Lê Thị P, khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 37B2-223.19, số máy 5C64-851439, số khung: CY-851.422, là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Hồng N3. Cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu.

- 01 xe mô nhãn hiệu Atila, có số máy: VMM9BF-D032234, số khung: RLGH125HD7DO32234 (gắn biển số 55Y2-2963, có số máy: 5C63336233, số khung: RLCS5C630AY336178, chủ đăng ký xe là Lê Quốc T2, địa chỉ: A, QL1A, phường T, Q.12, TP .) và biển số 54V7-9781, có số máy: VMSB8AH019160, số khung: RLGSB10AHAH019160, chủ đăng ký xe là Nguyễn Đức C2, địa chỉ: 5,

Phạm Văn C3, phường A, quận G, TP .. Đây là phương tiện, công cụ phạm tội, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với chủ sở hữu đăng ký xe nên tiếp tục tạm giữ để xác minh, làm rõ xử lý sau.

- 01 cờ lê khoá 10 bằng kim loại, kích thước 14cmx01cm, là công cụ phạm tội chuyển Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 66/KL ngày 05/03/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 xe mô tô biển số 37B2-223.19, trị giá 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Về dân sự: Cháu Nguyễn Thị Hồng N3 và người đại diện theo pháp luật của cháu N3 là ông Nguyễn Duy T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Đối với anh Đặng S được Nguyễn Thanh B thuê cắt chìa khoá xe mô tô biển số 37B2-223.19, anh S không biết là xe do trộm cắp mà có nên không xử lý trách nhiệm.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 375/CT-VKSBH ngày 21/6/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố:

- Nguyễn Thanh B và Lê Phú B1, về tội: "Trộm cắp tài sản", theo Khoản 1 Điều 173, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Trần Văn C và Lê Thị P, về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm s khoản 1 Điều 51; của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh B từ 14 tháng đến 16 tháng tù; bị cáo Nguyễn Phú B2 từ 14 tháng đến 16 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Trần Văn C 06 tháng đến 08 tháng tù; Lê Thị P 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 đến 20 tháng.

+ Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện theo pháp luật của bị hại là bà Nguyễn Thị H2 trình bày: Tại phiên tòa bà H2 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không có ý kiến gì thêm.

- *Lời nói sau cùng*: Bị cáo Nguyễn Thanh B, Nguyễn Phú B2, Trần Văn C, Lê Thị P thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi bị truy tố và tội danh:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản hỏi cung, biên bản lấy lời khai bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 25/02/2024, tại tổ A, khu phố E, phường L, TP B, tỉnh Đồng Nai. Nguyễn Thanh B và Lê Phú B1 có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô biển số 37B2-223.19, trị giá 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) của chị Nguyễn Thị Hồng N3. Trần Văn C biết rõ xe mô tô trên là do trộm cắp mà có nhưng vẫn mang xe đi cầm cố giúp cho Thanh B và P. Lê Thị P biết rõ xe mô tô trên là do trộm cắp mà có nhưng vẫn cầm cố cho C với giá 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

- *Về tội danh:* Từ căn cứ trên, xác định các bị cáo Nguyễn Thanh B, Lê Phú B1 phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173; Trần Văn C và Lê Thị P phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 375/CT-VKSBH ngày 21/6/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố cáo Nguyễn Thanh B và Nguyễn Phú B2 phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Trần Văn C và Lê Thị P phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong đời sống của người dân tại các khu dân cư. Bị cáo Nguyễn Thanh B và Lê Phú B1 đã từng bị xử phạt tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục bất chấp quy định của pháp luật lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo Trần Văn C và Lê Thị P mặc dù biết rõ tài sản có được do người khác phạm tội mà có nhưng vẫn có hành vi tiêu thụ tài sản.

- Về tính chất đồng phạm: Trong vụ án này các bị cáo Lê Phú B1 và Nguyễn Thanh B là đồng phạm về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Trần Văn C và Lê Thị P là đồng phạm về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", Tuy các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng nhưng không có sự bàn bạc, phân công vai trò trước và sau khi phạm tội nên chỉ ở mức độ đồng phạm giản đơn.

- Về vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo Lê Phú B1 có vai trò là người rủ rê, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Nguyễn Thanh B có vai trò đồng phạm giúp sức tích cực. Đối với hành vi phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có thì bị cáo P giữ vai trò chính, tự lấy tiền của mình ra để cầm cố tài sản trộm cắp cho các bị cáo Thanh B và P, bị cáo C giữ vai trò giúp sức.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Thanh B, Lê Phú B1 thuộc trường hợp "Tái phạm", theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của bị hại xin giảm nhẹ cho các bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); ngoài ra, bị cáo Trần Văn C và Lê Thị P phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình, bị cáo P hiện phải nuôi con đang tuổi ăn học, trong đó có cháu nhỏ nhất dưới 36 tháng tuổi, bị cáo C có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện cha bị cáo đang bị bệnh nặng. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Nguyễn Thanh B, Lê Phú B1 để đảm bảo nghiêm minh của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Trần Văn C và Lê Thị P có có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Tuy nhiên, do bị cáo C đang bị tạm giam nên cần xem xét thời hạn tù của bị cáo bằng thời hạn tạm giữ, tạm giam và áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 54 và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa. Đối với bị cáo P, xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, trong thời gian bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật nên việc cách ly bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết. Xét bị cáo P có đủ điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng

dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 về án treo nên cho bị cáo P hưởng án treo là phù hợp với quy định pháp luật, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo ở ngoài để lao động nuôi dạy các con nhưng cũng đủ để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 37B2-223.19, số máy 5C64-851439, số khung: CY-851.422, là tài sản hợp pháp của cháu Nguyễn Thị Hồng N3. Cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu là phù hợp với quy định của pháp luật.

- 01 xe mô nhãn hiệu Atila, có số máy: VMM9BF-D032234, số khung: RLGH125HD7DO32234 (gắn biển số 55Y2-2963, có số máy: 5C63336233, số khung: RLCS5C630AY336178, chủ đăng ký xe là Lê Quốc T2, địa chỉ: A, QL1A, phường T, Q.12, TP .) và biển số 54V7-9781, có số máy: VMSB8AH019160, số khung: RLGSB10AHAH019160, chủ đăng ký xe là Nguyễn Đức C2, địa chỉ: 5, Phạm Văn C3, phường A, quận G, TP .. Đây là phương tiện, công cụ phạm tội, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với chủ sở hữu đăng ký xe nên tiếp tục tạm giữ để xác minh, làm rõ xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

- 01 cờ lê khoá 10 bằng kim loại, kích thước 14cmx01cm, là công cụ phạm tội do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự và các vấn đề khác:

Cháu Nguyễn Thị Hồng N3 và người đại diện theo pháp luật của cháu N3 là ông Nguyễn Duy T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Đối với anh Đặng S được Nguyễn Thanh B thuê cắt chìa khoá xe mô tô biển số 37B2-223.19, anh S không biết là xe do trộm cắp mà có nên không xử lý trách nhiệm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

[7] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Phần lớn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận phần phù hợp.

- Phần trình bày của người đại diện thep pháp luật của bị hại: Bà Nguyễn Thị H2 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét.

- Phần trình bày của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh B và Lê Phú B1 phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh B 01 (một) năm 02 (tháng)** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 02 năm 2024.

Xử phạt bị cáo **Lê Phú B1 01 (một) năm 02 (tháng)** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 02 năm 2024.

Căn cứ khoản 1, Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo **Trần Văn C 05 (năm) tháng 17 (mười bảy) ngày tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 02 năm 2024.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Trần Văn C, nếu không bị tam giam về một tội phạm khác

Căn cứ khoản 1, Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 65 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị Quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị P phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo **Lê Thị P 08 (tám) tháng tù**. Nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/8/2024).

Giao bị cáo Lê Thị P cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 cờ lê (loại khoá 10) bằng kim loại, có kích thước 10cm x 01cm. Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Quyết định chuyển vật chứng số 6356/QĐ-VKSBH ngày 24/6/2024 và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Lê Phú B1, Nguyễn Thanh B, Trần Văn C và Lê Thị P mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Các bị cáo, bị hại, người đại diện của bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nguyệt